

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phát triển
A. tập trung cao. B. còn chậm.

C. rất nhanh.

D. rất đa dạng.

Câu 42: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
Xuất khẩu	258,2	207,0	91,1	22,6
Nhập khẩu	233,4	185,3	119,2	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

A. Mi-an-ma thấp hơn Thái Lan.

B. Ma-lai-xi-a thấp hơn Phi-lip-pin.

C. Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a.

D. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma.

Câu 43: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta khi có bão?

A. Sóng thần.

B. Lũ nguồn.

C. Lũ quét.

D. Ngập mặn.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác sắt?

A. Yên Bái.

B. Bắc Kạn.

C. Tuyên Quang.

D. Lai Châu.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Pleiku thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Gia Lai.

B. Kon Tum.

C. Đắk Lắk.

D. Lâm Đồng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều chè trong các tỉnh sau đây?

A. Quảng Bình.

B. Hà Giang.

C. Bình Định.

D. Vĩnh Long.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

A. Vị Thanh.

B. Hà Tiên.

C. Long Xuyên.

D. Bạc Liêu.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

A. Đà Nẵng.

B. Nha Trang.

C. Đà Lạt.

D. Điện Biên Phủ.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

A. Sóc Trăng.

B. Phan Thiết.

C. Cà Mau.

D. Tân An.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

A. Sông Krông Ana.

B. Sông Ia Lốp.

C. Sông Hậu.

D. Sông Krông Knô.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Nhật Lệ thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Hà Tĩnh.

B. Quảng Trị.

C. Thanh Hóa.

D. Quảng Bình.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều hồ tiêu trong các tỉnh sau đây?

A. Cà Mau.

B. Tây Ninh.

C. Bạc Liêu.

D. Hậu Giang.

Quốc gia	Cam-pu-chia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
Xuất khẩu	15,8	181,7	207,0	22,6
Nhập khẩu	16,2	169,6	185,3	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

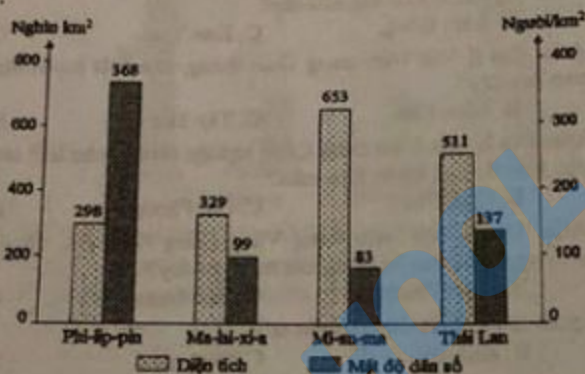
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

- A. Mi-an-ma thấp hơn In-đô-nê-xi-a.
B. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Cam-pu-chia.
C. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
D. Ma-lai-xi-a cao hơn Mi-an-ma.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

- A. Đồng Hới.
B. Nha Trang.
C. Sa Pa.
D. Đà Nẵng.
A. Cà Mau.
B. Mỹ Tho.
C. Biên Hòa.
D. Long Xuyên.

Câu 60: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Thái Lan lớn hơn Phi-lip-pin.
B. Ma-lai-xi-a lớn hơn Mi-an-ma.
C. Phi-lip-pin gấp hơn ba lần Ma-lai-xi-a.
D. Thái Lan gấp hơn hai lần Mi-an-ma.

Câu 61: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phân bố

- A. tập trung.
B. phân tán.
C. khắp mọi nơi.
D. rất đồng đều.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Lục Nam.
B. Sông Hồng.
C. Sông Kinh Thầy.
D. Sông Thương.

Câu 63: Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay

- A. dày đặc và tập trung nhiều ở miền núi.
B. được mở rộng và phủ khắp các vùng.
C. đã hiện đại hóa và chủ yếu là cao tốc.
D. chủ yếu hướng đông tây và độ dài lớn.

Câu 64: Chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay

- A. sử dụng phần lớn thức ăn tự nhiên.
B. có phần lớn sản phẩm để xuất khẩu.
C. phân bố tập trung tại các vùng núi.
D. chủ yếu nhằm cung cấp thực phẩm.

Câu 65: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có

- A. các loại gió thổi theo mùa.
B. nhiều vùng núi khác nhau.
C. một số loại đất độ phì cao.
D. thực vật bốn mùa xanh tốt.

Câu 66: Hoạt động khai thác dầu khí ở nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn phục vụ cho xuất khẩu.
C. góp phần vào phát triển nhiệt điện.

- B. phát triển rộng rãi khắp các vùng.
D. có sản lượng đều nhau ở các năm.

Câu 67: Hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta hiện nay

- A. diễn ra ở tất cả các tỉnh giáp biển.
C. chủ yếu nhằm phục vụ xuất khẩu.

- B. phân bố hoàn toàn ở vùng ven bờ.
D. chỉ chú trọng vào các loài cá quý.

Câu 68: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay

- A. làm thay đổi tỉ trọng của dịch vụ.
C. tạo nên các khu kinh tế cửa khẩu.

- B. hình thành các vùng chuyên canh.
D. chỉ tập trung ở khu vực Nhà nước.

Câu 69: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. phát triển nhanh kinh tế thị trường.
C. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

- B. tăng cường quá trình hiện đại hóa.
D. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.

Câu 70: Dân cư thành thị nước ta hiện nay

- A. đều có trình độ khoa học kĩ thuật cao.
C. hầu hết hoạt động trong công nghiệp.

- B. chỉ tập trung tại các vùng đồng bằng.
D. có tỉ lệ còn thấp trong cơ cấu dân số.

Câu 71: Vùng Tây Nguyên có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Nam Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, hướng của dãy núi Trường Sơn, bão.
B. Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí, gió phơn Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
C. gió Tây, dãy núi Trường Sơn Nam, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
D. gió đông bắc, địa hình, khối khí nóng ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương, vị trí địa lí.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng đặc dụng ở Tây Nguyên là

- A. bảo vệ động vật hoang dã, tăng độ che phủ.
C. giữ gìn cảnh quan, bảo vệ đa dạng sinh học.

- B. phòng xói mòn, bảo đảm cân bằng sinh thái.
D. tăng nguồn nước ngầm, góp phần chống lũ.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đẩy mạnh cơ giới hóa, mở rộng diện tích.
C. quy hoạch, đẩy mạnh nông sản xuất khẩu.

- B. bố trí cây trồng hợp lí, phát triển thủy lợi.
D. tăng vụ, phát triển lợi thế của các khu vực.

Câu 74: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. khai thác thế mạnh, đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.
B. mở rộng phân bố sản xuất, tạo mô hình kinh tế mới, bảo vệ môi trường.
C. giải quyết việc làm, tăng sản phẩm hàng hóa, sử dụng hợp lí tài nguyên.
D. đa dạng nông sản, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường sản xuất lớn.

Câu 75: Trị giá nhập khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. thị trường mở rộng, hội nhập toàn cầu sâu.
C. dân số tăng, các đô thị ngày càng mở rộng.

- B. công nghiệp đa dạng, giao thông phát triển.
D. sản xuất tăng trưởng, chất lượng sống tăng.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu lượt người/km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	14 271,1	34 189,2	36 379,3	25 781,4
Quốc tế	27 797,3	33 666,8	41 023,5	8 343,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

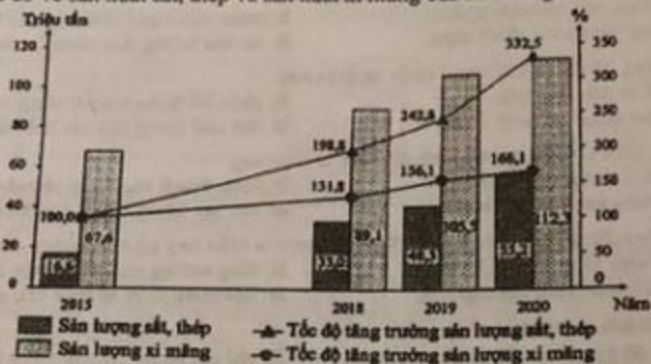
Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Tròn, đường, miền. B. Miền, cột, tròn. C. Đường, tròn, cột. D. Cột, đường, miền.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu phát triển cây thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. thúc đẩy chuyên canh, tăng cường cơ giới hóa. B. đa dạng nông sản, ứng dụng tiến bộ khoa học.
C. sử dụng các giống tốt, nâng trình độ lao động. D. sản xuất thâm canh, gắn với thị trường tiêu thụ.

Câu 78: Cho biểu đồ về sản xuất sắt, thép và sản xuất xi măng của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.
 B. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.
 C. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.
 D. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển đa dạng cây trồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, khai thác các tiềm năng.
 B. tạo nông sản phong phú, đẩy mạnh xuất khẩu, sử dụng hợp lý tự nhiên.
 C. nâng cao đời sống, đáp ứng nhu cầu thị trường, phát huy các thế mạnh.
 D. thúc đẩy sản xuất, khai thác sự phân hóa thiên nhiên, giảm thiểu rủi ro.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. hình thành đô thị, giải quyết vấn đề việc làm.
 B. phát triển sản xuất, thay đổi bộ mặt của vùng.
 C. thu hút đầu tư, tạo nguồn sản phẩm xuất khẩu.
 D. mở rộng thương mại, khai thác các nguồn lực.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.